

Số: 355 /UBND-BC

Thường Xuân, ngày 25 tháng 12 năm 2018

## BÁO CÁO

### **Kết quả hỗ trợ chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ năm 2018 trên địa bàn huyện Thường Xuân.**

Căn cứ quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/9/2014 về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 01 năm 2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao kế hoạch khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ;

Thực hiện Công văn số 4083/SNN&PTNT-CN, ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hoá về việc báo cáo kết quả thực hiện các chương trình chăn nuôi năm 2018; UBND huyện Thường Xuân báo cáo kết quả triển khai thực hiện với những nội dung sau:

#### **1. Công tác chỉ đạo**

UBND huyện Thường Xuân đã xây dựng Kế hoạch số 30/KH-UBND, ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc thực hiện Quyết định số 371/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 01 năm 2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao kế hoạch khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ. Giao cho Ban Quản lý Dự án Nông Lâm Nghiệp & Thủy sản huyện cùng với các phòng, ngành có liên quan tổ chức thực hiện.

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 01 năm 2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao kế hoạch khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ năm 2018. UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt dự toán khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách năm 2018 trên địa bàn huyện (*Quyết định 221/QĐ - UBND, ngày 28/02/2018 của chủ tịch UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ năm 2018*).

#### **2. Kết quả triển khai thực hiện: (Có các biểu chi tiết đính kèm).**

##### **2.1 Kết quả hỗ trợ trâu bò đực giống.**

- BQL Dự án Nông lâm nghiệp & TS của huyện phối hợp UBND các xã đã hỗ trợ 17 con trâu, bò đực giống (trong đó có 09 con bò đực giống và 08 con trâu đực giống) cho 17 hộ thuộc địa bàn các xã: Luận Khê, Ngọc Phụng, Xuân Thắng, Thọ Thanh, Xuân Cao và Thị trấn, Xuân Dương,

- Tổng kinh phí hỗ trợ trâu bò đực giống: 295.000.000 đồng. trong đó
- + Hỗ trợ 9 con bò đực giống cho 9 hộ. Kinh phí hỗ trợ 135.000.000 đồng
- + Hỗ trợ 8 con trâu đực giống cho 8 hộ. Kinh phí hỗ trợ 160.000.000 đồng.

### 2.3 Kết quả hỗ trợ gà vịt giống bố mẹ hậu bị:

- Hỗ trợ 1200 con gà, vịt giống bố mẹ hậu bị 8 tuần tuổi cho 6 hộ trên địa bàn xã Yên Nhân với Tổng kinh phí hỗ trợ 60.000.000 đồng.

### 2.4 Kết quả hỗ trợ xây mới Công trình khí sinh học

- + Hỗ trợ 53 công trình khí sinh học (có 13 bể xây gạch công trình từ 9 m<sup>3</sup> trở lên, 40 hầm Comphoste) cho 53 hộ dân thuộc các xã: Luận Thành, Thọ Thanh, Ngọc Phụng, Thị trấn, Tân Thành, . Kinh phí hỗ trợ: 250.000.000 đồng.

### 2.5. Kết quả hỗ trợ phối giống nhân tạo

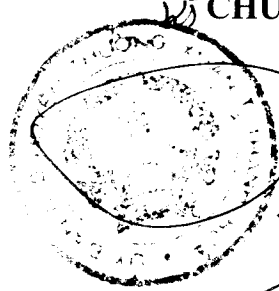
- + Hỗ trợ phối giống nhân tạo cho lợn: Hỗ trợ phối giống nhân tạo cho 107 con lợn nái với 336 liều tinh. Kinh phí hỗ trợ 23.520.000 đồng.

- + Hỗ trợ phối giống nhân tạo cho trâu bò: Hỗ trợ 600 liều (trong đó 300 liều tinh bò zebu sản xuất trong nước, 150 liều tinh bò nhập khẩu và 150 liều tinh trâu) cho 272 con trâu bò (trong đó có 222 con bò và 50 con trâu) với 191 hộ chăn nuôi được hỗ trợ. Tổng kinh phí hỗ trợ phối giống nhân tạo trâu bò (bao gồm kinh phí mua tinh, kinh phí mua vật tư: Găng tay, ống ghen và Nitor lỏng bảo quản) là 66.639.000 đồng. Hỗ trợ trên địa bàn các xã: Xuân Cẩm, Xuân Dương, Thị trấn, Thọ Thanh, Lương Sơn, Xuân Cao và Luận Thành, Luận Khê và Tân Thành.

Trên đây là kết quả thực hiện các chương trình chăn nuôi năm 2018 trên địa bàn huyện. UBND huyện Thường Xuân báo cáo Sở Nông nghiệp & PTNT biết tổng hợp báo cáo tỉnh./.

#### Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT (b/c);
- Lưu: VT, NN.

**CHỦ TỊCH**  
  
*Hàm*  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Đỗ Văn Hoàn*

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CHĂN NUÔI NĂM 2018 THEO  
QUYẾT ĐỊNH 56/2014/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
(Kèm theo Báo cáo số 353 /BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018)

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện năm 2018
<b>I</b>	<b>Số lượng đàn gia súc, gia cầm</b>	Con		
<b>1</b>	<b>Tổng đàn trâu</b>	Con	19.000	16.260
<b>2</b>	<b>Tổng đàn bò</b>	Con	5.700	5.882
	- Đàn Bò lai	Con	2.600	2.000
	- Tỷ trọng bò lai zebu	%		34
	- Đàn bò sữa	Con	0	0
	- Đàn bò thịt chất lượng cao, bò BBB	Con	0	0
<b>3</b>	<b>Tổng đàn lợn</b>	Con	25.000	21.596
	Trong đó - Đàn lợn ngoại hướng nạc	Con	3.200	2.800
	Tỷ trọng đàn lợn ngoại hướng nạc	%		12,9
	- Đàn nái ngoại	Con	560	150
<b>4</b>	<b>Tổng đàn gia cầm</b>	1.000 Con	365.000	358,869
	Trong đó - Đàn gà, trong đó:	1.000 Con	257	298,3
	Đàn gà lông màu	1.000 Con	247	298
	- Đàn Thủy cầm	1.000 Con	68	60,556
<b>5</b>	<b>Các con nuôi đặc sản</b>			
	- Vịt Cổ lũng, vịt cỏ	1.000 Con	17	4.500
	- Gà đồi, gà mía, gà ri, gà ri lai	1.000 Con	125	290
	- Lợn cỏ, lợn mán, lợn rừng	Con	21.000	18.000
	- Lợn sữa xuất khẩu	1.000 Con	8.500	8.500

<b>II</b>	<b>Số lượng đàn lợn, trâu, bò sinh sản phối giống nhân tạo</b>			
<b>1</b>	Đàn lợn nái phối giống nhân tạo (hộ gia đình nuôi dưới hoặc 10 con lợn nái)	Con	300	107
<b>2</b>	Đàn bò cái phối giống nhân tạo (hộ gia đình nuôi dưới hoặc 10 con bò cái sinh sản)	Con	500	222
<b>3</b>	Đàn trâu cái phối giống nhân tạo (hộ gia đình nuôi dưới hoặc 10 con trâu cái sinh sản)	Con	50	50
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ mua con giống</b>			
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ mua lợn, trâu, bò đực giống</b>			
	- Mua Trâu đực giống	Con	8	8
	- Mua Bò đực giống	Con	9	9
	- Mua Lợn đực giống	Con	8	0
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ mua gà, vịt giống bố mẹ hậu bị</b>			
	- Mua Gà giống, bố mẹ hậu bị	Con	600	600
	- Mua Vịt giống, bố mẹ hậu bị	Con	600	600
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ về xử lý chất thải chăn nuôi</b>			
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ xây dựng công trình khí sinh học</b>			
	- Bê xây gạch			
	+ Công trình từ 6m <sup>3</sup> đến 9m <sup>3</sup>	CT	5	0
	+ Công trình KSH từ 9m <sup>3</sup> trở lên	CT	8	13
	- Hàm Composite			
	+ Công trình KSH từ 5m <sup>3</sup> đến 7m <sup>3</sup>	CT	5	5
	+ Công trình KSH từ 7m <sup>3</sup> trở lên	CT	35	35
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ đệm lót sinh học</b>			
	- Đối với gia súc			
	+ Sử dụng đệm lót sinh học từ 15m <sup>3</sup> đến 30m <sup>3</sup>	hộ	5	0

	+ Sử dụng đệm lót sinh học từ 30m <sup>3</sup> đến 50m <sup>3</sup>	hộ	5	0
	+ Sử dụng đệm lót sinh học từ 50m <sup>3</sup> trở lên	hộ	2	0
	- <i>Đối với gia cầm</i>			
	+ Sử dụng đệm lót sinh học từ 15m <sup>3</sup> đến 30m <sup>3</sup>	hộ	3	0
	+ Sử dụng đệm lót sinh học từ 30m <sup>3</sup> đến 50m <sup>3</sup>	hộ	2	0
<b>V</b>	<b>Hỗ trợ phát triển phối giống nhân tạo</b>			
	Mua bình chứa Nito lỏng (bình 3,5 lít)	Bình	2	0
<b>Tổng kinh phí</b>				